

THÔNG BÁO

Về việc Tổ chức lớp bổ sung kiến thức cho thí sinh dự thi cao học năm 2024

Kính gửi:

Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN trân trọng thông báo: Năm 2024, Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN tuyển sinh đào tạo 11 chuyên ngành bậc Thạc sĩ, 04 chuyên ngành bậc Tiến sĩ như sau:

TT	Tên ngành /chuyên ngành	Mã số chuyên ngành	Chương trình đào tạo
I	Bậc Thạc sĩ		
1	LL&PPDH bộ môn Toán	8140209.01	Định hướng nghiên cứu
2	LL&PPDH bộ môn Vật lý	8140211.01	Định hướng nghiên cứu
3	LL&PPDH bộ môn Hóa học	8140212.01	Định hướng nghiên cứu
4	LL&PPDH bộ môn Sinh học	8140213.01	Định hướng nghiên cứu
5	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn	8140217.01	Định hướng nghiên cứu
6	LL&PPDH bộ môn Lịch sử	8140218.01	Định hướng nghiên cứu
7	Quản lý giáo dục	8140114.01	Theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng
8	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	8140115.01	Theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng
9	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	8310402.05	Theo định hướng nghiên cứu
10	Quản trị trường học	8140117.01	Theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng
11	Tham vấn học đường	8310401.03	Theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng
II	Bậc Tiến sĩ		
1	Quản lý giáo dục	9140114.01	
2	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	9140115.01	
3	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	9130401.01	
4	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học	9140120.01QTD	

Hiện nay, Trường ĐHGD chuẩn bị triển khai tổ chức các lớp bổ sung kiến thức cho đối tượng dự thi cao học năm 2024. Cụ thể như sau:

I. Chuyên ngành Quản lý giáo dục định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Đối tượng: Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu.
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.

Đối tượng đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản lý giáo dục;

Đối tượng có bằng đại học ngành phù hợp với ngành Quản lý giáo dục không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác: Quản lý giáo dục, Quản trị trường học, Giáo dục học được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức 4 học phần và yêu cầu 1 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi (**Phụ lục 1**).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn khoa học giáo dục	3
2	Lí luận quản lý và quản lý giáo dục	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	12

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức 7 học phần và yêu cầu 02 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến dự thi (**Phụ lục 2**).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn khoa học giáo dục	3
2	Lí luận quản lý và quản lý giáo dục	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
5	Đại cương về tâm lí và tâm lí học nhà trường	3
6	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy Quản lý giáo dục	3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
7	Phát triển nguồn nhân lực và quản lý tài chính, cơ sở vật chất trong giáo dục	3
	Tổng	21

Ghi chú: Ứng viên thuộc đối tượng phải học bổ sung kiến thức 7 học phần, nếu có Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì học chương trình học bổ sung kiến thức 4 học phần.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Yêu cầu về vị trí công tác để dự thi

Ứng viên đã, đang đảm nhiệm hoặc được quy hoạch chức vụ (tối thiểu 03 tháng đến ngày dự thi) một trong các vị trí công tác sau:

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc tương đương trong các cơ sở giáo dục và đào tạo từ bậc học mầm non trở lên;

+ Trường khoa, phó trường khoa, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn trong các cơ sở giáo dục và đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường phổ thông, tiểu học, mầm non, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên...);

+ Cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo và cán bộ trong diện được quy hoạch;

+ Lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quận/ Huyện, Sở/ Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng/ Ban chức năng của các cơ sở giáo dục đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục...).

II. Chuyên ngành Quản trị trường học định hướng nghiên cứu và ứng dụng (cấp bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục)

1. Đối tượng: Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị trường học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu.
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.

Đối tượng đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản trị trường học;

Đối tượng có bằng đại học ngành phù hợp với ngành Quản trị trường học không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác: Quản lý giáo dục, Quản trị trường học, Giáo dục học được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị trường học phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức 4 học phần và yêu cầu 1 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi (**Phụ lục 1**).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn khoa học giáo dục	3
2	Lí luận quản lí và quản lí giáo dục	3
3	Tổ chức và quản lí cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo	3
	Tổng	12

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức 7 học phần và yêu cầu 2 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến dự thi (**Phụ lục 2**).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn khoa học giáo dục	3
2	Lí luận quản lí và quản lí giáo dục	3
3	Tổ chức và quản lí cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo	3
5	Đại cương về tâm lí và tâm lí học nhà trường	3
6	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy Quản lí giáo dục	3
7	Phát triển nguồn nhân lực và quản lí tài chính, cơ sở vật chất trong giáo dục	3
	Tổng	21

Ghi chú: Ứng viên thuộc đối tượng phải học bổ sung kiến thức 7 học phần, nếu có Chứng chỉ nghiệp vụ quản lí giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì học chương trình học bổ sung kiến thức 4 học phần.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Yêu cầu về vị trí công tác để dự thi

Ứng viên đã, đang đảm nhiệm hoặc được quy hoạch chức vụ (tối thiểu 03 tháng đến ngày dự thi) một trong các vị trí công tác sau:

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc tương đương trong các cơ sở giáo dục và đào tạo từ bậc học mầm non trở lên;

+ Trường khoa, phó trường khoa, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn trong các cơ sở giáo dục và đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường phổ thông, tiểu học, mầm non, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên...);

+ Cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo và cán bộ trong diện được qui hoạch;

+ Lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quận/ Huyện, Sở/ Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng/ Ban chức năng của các cơ sở giáo dục đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục...).

III. Chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục

1. Đối tượng: Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu.

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.

- Tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Quản trị chất lượng giáo dục, các ngành phù hợp với ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục. Trường hợp không tốt nghiệp đại học loại khá trở lên cần có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Đối tượng có bằng đại học ngành phù hợp với ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học, gồm:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Quản trị chất lượng giáo dục	7140103	
2	Quản lý giáo dục	7140114	
3	Quản trị trường học	7140117	
4	Quản trị công nghệ giáo dục	7140116	

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
5	Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên	71402	

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục tốt nghiệp đại học ngành phù hợp yêu cầu phải học bổ sung kiến thức thâm niên công tác khác nhau. Cụ thể:

+ Đối với người có bằng đại học ngành phù hợp (**Phụ lục 3**) phải học bổ sung kiến thức 2 học phần và cần thâm niên công tác 01 năm trong lĩnh vực giáo dục tính từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày công nhận trúng tuyển.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đánh giá trong giáo dục	3
2	Nhập môn khoa học giáo dục	3
	Tổng	6

+ Đối với người có bằng đại học ngành phù hợp (**Phụ lục 4**) phải học bổ sung kiến thức 4 học phần và cần thâm niên công tác 01 năm trong lĩnh vực giáo dục tính từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày công nhận trúng tuyển.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Đánh giá trong giáo dục	3
2	Nhập môn khoa học giáo dục	3
3	Quản lý chất lượng tổng thể	3
4	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục	3
	Tổng	12

Ghi chú: Nếu thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp đã có một trong các chứng chỉ sau đây: (i) Đo lường và đánh giá trong giáo dục, (ii) Nghiệp vụ sư phạm hoặc (iii) Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý giáo dục do Trường Đại học Giáo dục cấp trong thời hạn 5 năm thì được miễn học bổ sung kiến thức.

* Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.

3. Yêu cầu về thâm niên công tác để dự thi

Yêu cầu về kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục tại: Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; Sở giáo dục, Phòng giáo dục; Cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập;

Các tổ chức, tập đoàn, công ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Bộ phận đào tạo của các doanh nghiệp ... với vị trí làm việc cán bộ quản lý, chuyên viên công tác đào tạo, khảo thí, đảm bảo chất lượng, thanh tra, nghiên cứu khoa học, công tác học sinh sinh viên, công tác tổ chức nhân sự.

IV. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: Sư phạm Toán học.

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán tốt nghiệp đại học ngành phù hợp yêu cầu phải học các học phần bổ sung kiến thức khác nhau. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Toán học	7460101	Học bổ sung kiến thức 6 học phần trong mục 3
2	Toán – Tin	7460117	
3	Toán – Cơ	7460115	
4	Toán ứng dụng	7460112	
5	Sư phạm Toán-Lý		- Bằng đại học do Trường ĐHSP Hà Nội 2 cấp từ năm 2008 trở về trước. - Học bổ sung kiến thức 3 học phần 3, 4, 6 trong mục 3

Ghi chú: Ứng viên có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì được xem xét công nhận các học phần tương đương.

* Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lí học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục	3	

3	TMT3009	Lí luận dạy học	3+1*	
4	EAM2052	Nhập môn Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lí trong giáo dục	2	
6	EDT2001	Nhập môn Công nghệ dạy học	2	

*: Bổ sung 1 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.

V. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: *Sư phạm Vật lí*

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

TT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Vật lí	7440102	Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
2	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	7140214	
3	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	7140247	Học bổ sung kiến thức 3 học phần có số thứ tự 7, 8, 9 trong mục 3
4	Sư phạm Toán-Lí		- Bằng đại học do Trường ĐHSP Hà Nội 2 cấp từ năm 2008 trở về trước. - Học bổ sung kiến thức 4 học phần có số thứ tự 2, 3, 4, 6 trong mục 3.
5	Vật lí học		Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
6	Vật lí nguyên tử và hạt nhân		
7	Cơ học		

Ghi chú: Ứng viên có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì xem xét công nhận các học phần tương đương.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lý học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	
3	TMT3009	Lí luận dạy học	3+1*	
4	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lí trong giáo dục	2	
6	EDT2001	Nhập môn Công nghệ dạy học	2	
7	PHY2306	Cơ học lượng tử	3	
8	PHY2304	Quang học	3	
9	PHY3510	Mở đầu thiên văn học	3	

**: Bổ sung 1 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.*

VI. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: *Sư phạm Hoá học*

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

STT	Tên ngành*	Mã số	Ghi chú
1	Sư phạm Sinh – Hóa		- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước - Học bổ sung kiến thức 4 học phần

			có số thứ tự 2, 3, 4, 6 trong mục 3
2	Sư phạm Hóa – Sinh		- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1 và Đại học Sư phạm Hà Nội 2, từ năm 2008 trở về trước - Học bổ sung kiến thức 4 học phần có số thứ tự 2, 3, 4, 6 trong mục 3
3	Hóa học	7440112	Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
4	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	
5	Hóa dược	7720203	
6	Kỹ thuật Hóa học	7520301	
7	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Học bổ sung kiến thức 3 học phần có số thứ tự 7, 8, 9 trong mục 3

Ghi chú: Ứng viên có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì được xem xét công nhận các học phần tương đương.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lý học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục	3	
3	TMT3009	Lý luận dạy học	3 + 1*	
4	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	2	
6	EDT2001	Nhập môn công nghệ dạy học	2	
7	CHE1057	Hóa học phân tích	3	
8	CHE2018	Hóa lý	4	
9	CHE1067	Hóa học các hợp chất cao phân tử	2	

** Bổ sung thêm 01 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.*

VII. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.

- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: *Sư phạm Sinh học*

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Học bổ sung kiến thức 3 học phần có số thứ tự 7, 8, 9 trong mục 3
2	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
3	Sinh học	7420101	- Bằng đại học do Trường ĐHSP Hà Nội 2 cấp từ năm 2008 trở về trước. - Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
4	Kỹ thuật sinh học	7420202	
5	Sinh học ứng dụng	7420203	
6	Công nghệ sinh học	7420201	

Ghi chú: Ứng viên có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì được xem xét công nhận các học phần tương đương.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lí học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	
3	TMT3009	Lí luận dạy học	3+1*	
4	EAM2052	Nhập môn đo lường và Đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lí trong giáo	2	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
		đọc		
6	EDT2001	Nhập môn Công nghệ dạy học	2	
7	BIO3204	Sinh học người	3	
8	BIO3302	Nhập môn công nghệ sinh học	3	
9	TMT2044	Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học sinh học	3	

**: Bổ sung 1 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.*

VIII. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ Văn

1. Đối tượng

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành **Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn** phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: *Sư phạm Ngữ văn*

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Văn học	7229030	Học bổ sung kiến thức 6 học phần trong mục 3
2	Ngôn ngữ học	7229020	
3	Việt Nam học	7310630	

Ghi chú: Ứng viên có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thoả thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì xem xét công nhận các học phần tương đương.

* Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
-----	-------------	--------------	------------	---------

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lý học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	
3	TMT3009	Lí luận dạy học	3+1*	
4	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lí trong giáo dục	2	
6	EDT2001	Nhập môn Công nghệ dạy học	2	

* Bổ sung thêm 01 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.

IX. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: *Sư phạm Lịch sử*

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Lịch sử	7229010	Học bổ sung kiến thức 6 học phần có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong mục 3
2	Việt Nam học	7310630	
3	Sư phạm Sử – Địa		Bằng đại học do các trường (Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Tây Bắc,... cấp từ năm 2014 trở về trước). Học bổ sung kiến thức 4 học phần có số thứ tự 2, 3, 4, 6 trong mục 3
4	Sư phạm Lịch sử-Địa lí	7140249	Học bổ sung kiến thức 3 học phần có số thứ tự 7, 8, 9 trong mục 3

Ghi chú: Thí sinh có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm do Trường Đại học Giáo dục hoặc các Trường đại học có đào tạo sư phạm có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giáo dục cấp thì được xem xét miễn học các học phần tương đương.

** Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.*

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PSE2008	Tâm lý học giáo dục	4	
2	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	
3	TMT3009	Lí luận dạy học	3+1*	
4	EAM2052	Nhập môn Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	2	
5	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lí trong giáo dục	2	
6	EDT2001	Nhập môn Công nghệ dạy học	2	
7	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử	4	
8	HIS3078	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam	3	

**: Bổ sung 1 tín chỉ thực hành theo hướng chuyên ngành dự tuyển.*

X. Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em & vị thành niên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với Tâm lý học lâm sàng trẻ em & vị thành niên. Trường hợp không tốt nghiệp đại học loại khá trở lên cần có có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực Tâm lý học lâm sàng. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp:

Mã số	Tên gọi
7310401	Tâm lý học
7310403	Tâm lý giáo dục
Thí điểm	Tham vấn học đường
Thí điểm	Tâm lý học lâm sàng

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học yêu cầu phải học bổ sung kiến thức và thâm niên công tác như sau:

2.1. Ngành phù hợp với ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên phải học bổ sung kiến thức và cần thâm niên công tác 01 năm kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày công nhận trúng tuyển trong lĩnh vực tâm lý, tâm thần:

Mã số	Tên gọi
73103	Nhóm ngành xã hội học và Nhân học
77201	Nhóm ngành y học
77203	Nhóm ngành điều dưỡng-hộ sinh
77207	Nhóm ngành y tế công cộng
77601	Nhóm ngành công tác xã hội
77204	Nhóm ngành dinh dưỡng
7229045	Gia đình học

2.2. Ngành phù hợp với ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên phải học bổ sung kiến thức và cần thâm niên công tác 01 năm trong lĩnh vực tâm lý, sức khỏe tâm thần, và cần là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực tâm lý, sức khỏe tâm thần, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận, cụ thể:

Mã số	Tên gọi	
71401	Nhóm ngành khoa học giáo dục	
7140201	Giáo dục Mầm non	Nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc ngành Khoa học xã hội
7140202	Giáo dục Tiểu học	
7140203	Giáo dục Đặc biệt	
7140204	Giáo dục Công dân	

Mã số	Tên gọi
7140205	Giáo dục Chính trị
7140217	Sư phạm Ngữ văn
7140218	Sư phạm Lịch sử
7140219	Sư phạm Địa lý
7140231	Sư phạm Tiếng Anh
7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp
7140235	Sư phạm Tiếng Đức

* Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Các học phần bổ túc kiến thức	Số TC
1	Tâm lý học lâm sàng đại cương	3
2	Tâm lý học phát triển	3
3	Cơ sở sinh lý- thần kinh của hành vi con người	3
4	Tham vấn tâm lý học đường	3
5	Tâm lý học xã hội	3
6	Đo lường và đánh giá trong tâm lý - giáo dục	3
7	Công tác xã hội với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	3
8	Nhập môn Khoa học Giáo dục	3
	Tổng số TC:	24

XI. Chuyên ngành Tham vấn học đường

1. Đối tượng: Ứng viên dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tham vấn học đường phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Giáo dục.
- Tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với Tham vấn học đường. Trường hợp không tốt nghiệp đại học loại khá trở lên cần có có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa

học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực Tham vấn học đường. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Ngành tốt nghiệp đại học không phải học bổ sung kiến thức và được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp:

Mã số	Tên gọi
7310401	Tâm lý học
7310403	Tâm lý giáo dục
Thí điểm	Tham vấn học đường

2. Điều kiện dự học bổ sung kiến thức

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tham vấn học đường phải đáp ứng đầy đủ một trong các điều kiện về ngành tốt nghiệp đại học và yêu cầu học bổ sung kiến thức như sau:

2.1. Ngành tốt nghiệp đại học phải học bổ sung kiến thức và yêu cầu 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Tham vấn học đường kể từ khi tốt nghiệp đại học đến khi được công nhận trúng tuyển:

Mã số	Tên gọi
71401	Khoa học Giáo dục học
71402	Đào tạo giáo viên
73103	Xã hội học và nhân học
77601	Công tác xã hội

2.2. Ngành tốt nghiệp đại học phải học bổ sung kiến thức và yêu cầu 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Tham vấn học đường kể từ khi tốt nghiệp đại học đến khi được công nhận trúng tuyển và cần là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực tham vấn học đường, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận:

Mã số	Tên gọi
7229001	Triết học
73102	Khoa học chính trị
73404	Quản trị-quản lý
77201	Y học
77207	Y tế công cộng

* Những trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Trường Đại học Giáo dục xem xét, giải quyết.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Các học phần bổ túc kiến thức	Số TC
1	Tâm lý học lâm sàng đại cương	3
2	Tâm lý học phát triển	3
3	Cơ sở sinh lý- thần kinh của hành vi con người	3
4	Tham vấn tâm lý học đường	3
5	Đo lường và đánh giá trong tâm lý - giáo dục	3
6	Công tác xã hội với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	3
7	Tâm lý học xã hội	3
8	Nhập môn khoa học giáo dục	3
	Tổng số TC:	24

XII. Thông tin chung

1. Đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; **đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành)** liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Điều kiện Ngoại ngữ: Thí sinh tham gia dự tuyển dự tuyển vào các chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ở ĐHQGHN được tham gia Bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU Tests) và nộp kết quả cùng với Hồ sơ tuyển sinh cao học theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký

- Phiếu đăng ký học chương trình bồi dưỡng có dán ảnh đối với (theo mẫu có dấu đỏ của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN).

- Bản sao có công chứng hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học.
(Trường hợp tốt nghiệp đại học hệ liên thông, phải nộp bản sao có công chứng hợp lệ bằng và bảng điểm hệ cao đẳng; Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học do nước ngoài cấp phải có bản sao có công chứng hợp lệ bằng và bảng điểm đại học dịch thuật sang Tiếng Việt và giấy xác nhận công nhận văn bằng do **Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp**)

- 03 ảnh 3x4 trong đó 01 ảnh dán vào đơn đăng ký học và 02 ảnh 3 x 4 cho vào hồ sơ (sau ảnh ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, cho ảnh vào phong bì ghim vào phía sau phiếu đăng ký học)

3. Thời gian học: Dự kiến khai giảng tháng 03 năm 2024.

4. Kinh phí

Kinh phí học bổ sung kiến thức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Kinh phí: 400.000 đồng/1 tín chỉ. (thanh toán theo thực tế học phần)

5. Địa chỉ liên hệ

- Phòng Đào tạo, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
- + Địa chỉ: Phòng 104 nhà G7, Số 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- + Điện thoại: 024 73017123 (số máy lẻ: 1104).
- + Cán bộ phụ trách: Phạm Minh Vũ. ĐT: 0915924429.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị (để p/h);
- Lưu: VT, ĐT (5).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG 


PGS. TS. Phạm Văn Thuận

PHỤ LỤC 1

Danh mục ngành phù hợp với ngành quản lý giáo dục, Quản trị trường học phải học bổ sung kiến thức 4 học phần

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
71402	Các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên
7229042	Quản lý văn hoá
7310205	Quản lý nhà nước
7310401	Tâm lý học
7310403	Tâm lý học giáo dục
7810201	Quản trị khách sạn
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
7340401	Khoa học quản lý
7340404	Quản trị nhân lực
7340406	Quản trị văn phòng
7140117	Quản trị trường học

Ghi chú: Các ngành bao gồm bằng cử nhân nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận tương đương.

PHỤ LỤC 2

Danh mục ngành phù hợp với ngành quản lý giáo dục, Quản trị trường học phải học bổ sung kiến thức 7 học phần

MÃ SỐ	TÊN NGÀNH
	<i>Quản lý</i>
7220343	Quản lý thể dục thể thao
7340101	Quản trị kinh doanh
7340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
7340405	Hệ thống thông tin quản lý
7510601	Quản lý công nghiệp
7720701	Quản lý bệnh viện
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
7850103	Quản lý đất đai
	Quản lý kinh tế
	<i>Nghệ thuật</i>
72101	Mỹ thuật
72102	Nghệ thuật trình diễn
72103	Nghệ thuật nghe nhìn
	<i>Nhân văn</i>
72201	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam
72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài
72290	Nhân văn khác
	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>
73101	Kinh tế học
73102	Khoa học chính trị
73103	Xã hội học và Nhân học
73104	Tâm lý học
73105	Địa lý học
	<i>Báo chí và thông tin</i>
73201	Báo chí và truyền thông
73202	Thông tin - Thư viện
73203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng
73204	Xuất bản - Phát hành
	<i>Kinh doanh và quản lý</i>
73401	Kinh doanh
73402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm

MÃ SỐ	TÊN NGÀNH
73403	Kế toán - Kiểm toán
73404	Quản trị - Quản lý
	<i>Pháp luật</i>
73801	Luật
	<i>Khoa học tự nhiên</i>
74401	Khoa học vật chất
74402	Khoa học trái đất
74403	Khoa học môi trường
	<i>Khoa học sự sống</i>
74201	Sinh học
74202	Sinh học ứng dụng
	<i>Toán và thống kê</i>
74601	Toán học
74602	Thống kê
	<i>Máy tính và công nghệ thông tin</i>
74801	Máy tính
74802	Công nghệ thông tin
	<i>Công nghệ kỹ thuật</i>
75101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng
75102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
75103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
75104	Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường
75106	Quản lý công nghiệp
	<i>Kỹ thuật</i>
7701	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
7702	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
7703	Kỹ thuật hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường
7704	Vật lý kỹ thuật
7705	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
	<i>Sản xuất và chế biến</i>
75401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống
75402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
75403	Sản xuất, chế biến khác
	<i>Kiến trúc và xây dựng</i>

MÃ SỐ	TÊN NGÀNH
75801	Kiến trúc và quy hoạch
75802	Xây dựng
75803	Quản lý xây dựng
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>
76201	Nông nghiệp
76202	Lâm nghiệp
76203	Thủy sản
	<i>Sức khỏe</i>
77201	Y học
77202	Dược học
77203	Điều dưỡng, hộ sinh
77204	Dinh dưỡng
77205	Răng - Hàm - Mặt
77206	Kỹ thuật y học
77208	Quản lý y tế
	<i>Dịch vụ xã hội</i>
77601	Công tác xã hội
	<i>Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân</i>
78102	Khách sạn, nhà hàng
78105	Kinh tế gia đình
	<i>Dịch vụ vận tải</i>
78401	Khai thác vận tải
	<i>Môi trường và bảo vệ môi trường</i>
78501	Quản lý tài nguyên và môi trường
78502	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp
	<i>An ninh, quốc phòng</i>
78601	An ninh và trật tự xã hội
78602	Quân sự

Ghi chú: Các ngành khác bao gồm bằng cử nhân nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận tương đương

PHỤ LỤC 3

Danh mục ngành phù hợp với ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục phải học bổ sung kiến thức 2 học phần:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Quản lý văn hoá	7229042	
2	Quản lý nhà nước	7310205	
STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
3	Tâm lý học	7310401	
4	Tâm lý học giáo dục	7310403	
5	Tham vấn học đường	7310402	
6	Khoa học quản lý	7340401	
7	Quản trị nhân lực	7340404	
8	Quản trị văn phòng	7340406	

PHỤ LỤC 4

Danh mục ngành phù hợp với ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục phải học bổ sung kiến thức 4 học phần:

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
I	Mỹ thuật		
1	Lí luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	7210101	
II	Nghệ thuật trình diễn		
1	Chỉ huy âm nhạc	7210204	
2	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu	7210221	
3	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình	7210231	
4	Lý luận, lịch sử và phê bình múa	7219241	
5	Đạo diễn sân khấu	7210227	
6	Huấn luyện múa	7210244	
III	Nhân văn	722	
1	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam	72201	
2	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài	72202	
IV	Khoa học xã hội và hành vi	731	
1	Kinh tế học	73101	

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
2	<i>Khoa học chính trị</i>	73102	
3	<i>Xã hội học và Nhân học</i>	73103	
4	<i>Tâm lý học</i>	73104	
5	<i>Địa lý học</i>	73105	
6	<i>Khu vực học</i>	73106	
V	Báo chí và thông tin	732	
1	<i>Báo chí và truyền thông</i>	73201	
2	<i>Thông tin - Thư viện</i>	73202	
3	<i>Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng</i>	73203	
4	<i>Xuất bản - Phát hành</i>	73204	
VI	Kinh doanh và quản lý	734	
1	<i>Kinh doanh</i>	73401	
2	<i>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</i>	73402	
3	<i>Kế toán - Kiểm toán</i>	73403	
4	<i>Quản trị - Quản lý</i>	73404	
VII	Pháp luật	738	
1	<i>Luật</i>	73801	
VIII	Khoa học sự sống	742	
1	<i>Sinh học</i>	74201	
2	<i>Sinh học ứng dụng</i>	74202	
IX	Khoa học tự nhiên	744	
1	<i>Khoa học vật chất</i>	74401	
2	<i>Khoa học trái đất</i>	74402	
3	<i>Khoa học môi trường</i>	74403	
X	Toán và thống kê	746	
1	<i>Toán học</i>	74601	
2	<i>Thống kê</i>	74602	
XI	Máy tính và công nghệ thông tin	748	
1	<i>Máy tính</i>	74801	
2	<i>Công nghệ thông tin</i>	74802	

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
XII	Công nghệ kỹ thuật	751	
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	75101	
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	75102	
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75103	
4	Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường	75104	
5	Quản lý công nghiệp	75106	
XIII	Kỹ thuật	752	
1	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	7701	
2	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	7702	
3	Kỹ thuật hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường	7703	
4	Vật lý kỹ thuật	7704	
5	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	7705	
XIV	Sản xuất và chế biến	754	
1	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống	75401	
XV	Kiến trúc và xây dựng	758	
1	Kiến trúc và quy hoạch	75801	
2	Xây dựng	75802	
3	Quản lý xây dựng	75803	
XVI	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	762	
1	Nông nghiệp	76201	
2	Lâm nghiệp	76202	
3	Thủy sản	76203	
XVII	Thú y	764	
1	Thú y	76401	
XVIII	Sức khỏe	772	
1	Y học	77201	
2	Dược học	77202	

STT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
3	Điều dưỡng – hộ sinh	77203	
4	Dinh Dưỡng	77204	
5	Răng - Hàm-Mặt (Nha khoa)	77205	
6	Kỹ thuật Y học	77206	
7	Y tế công cộng	77207	
8	Quản lý Y tế	77208	
XIX	Dịch vụ xã hội	776	
1	Công tác xã hội	77601	
XX	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781	
1	Du lịch	78101	
2	Khách sạn, nhà hàng	78102	
3	Thể dục thể thao	78103	
XXI	Dịch vụ vận tải	784	
1	Khai thác vận tải	78401	
XXII	Môi trường và bảo vệ môi trường	785	
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	78501	
2	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	78502	
XXIII	An ninh, Quốc phòng	786	
1	An ninh và trật tự xã hội	78601	
2	Quân sự	78602	

Ghi chú:

- Các ngành phù hợp bao gồm bằng cử nhân nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận tương đương.